TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ MỸ THO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2025/HNGĐ-ST
Ngày 22 tháng 5 năm 2025
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Liên.

Các Hội thẩm nhân nhân dân: 1. Bà Lê Thị Minh Thắm.

2. Bà Đinh Tú Khoa.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Huỳnh Thị Như Thảo - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho tham gia phiên toà:*** Bà Đặng Kiều My – Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 699/2024/TLST-HNGĐ ngày 27/12/2024 về việc "*xin ly hôn"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bé N; sinh năm: 1978 (xin vắng);

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu V; sinh năm: 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị chị Nguyễn Thị Bé N trình bày*:

Chị và anh Nguyễn Hữu V tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang vào ngày 29/5/2015.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hai người không hợp tính tình, từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi, chị đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay.

Nay chị N yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bé N yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hữu V.

- Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Gia H, sinh ngày 29/4/2015. Hiện con chung đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị N yêu cầu nuôi con chung không yêu cầu anh V cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Hữu V đã được Toà án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà nhưng vẫn không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bé N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ tho, tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử sơ thẩm tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn không chấp hành các quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Bé N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Bé N và anh Nguyễn Hữu V kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 21, ngày 29/5/2015. Ngày 27/12/2024, chị N nộp đơn yêu cầu được ly hôn với anh V, đây là tranh chấp ly hôn được quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Hình thức và nội dung đơn khởi kiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Hữu V cư trú tại xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bé N có đơn xin vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Hữu V đã được Tòa án tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng không có mặt để dự phiên tòa mà không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N, anh V theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bé N và anh Nguyễn Hữu V được Ủy ban nhân dân xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 21, ngày 29/5/2015 nên xác định hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

Tại đơn khởi kiện và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, chị N trình bày, chị và anh Nguyễn Hữu V tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang vào ngày 29/5/2015. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2016 thì phát sinh

mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hai người không hợp tính tình, từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi, chị đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay.

Xét thấy, từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa xét xử hôm nay, Tòa án đã triệu tập anh Nguyễn Hữu V đến để tham dự, nhưng anh V vắng mặt không có lý do, nên không đưa ra được một biện pháp cụ thể nào để hàn gắn lại mối quan hệ vợ chồng. Việc anh V không đến dự phiên toà là mặc nhiên từ bỏ cơ hội để vợ chồng đoàn tụ với nhau. Hiện tại, chị N trình bày không còn tình cảm, không muốn tiếp tục chung sống đời sống vợ chồng với anh V nên đã nộp đơn ly hôn và vẫn cương quyết ly hôn, cho thấy cuộc sống vợ chồng anh, chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Trong quá trình giải quyết và tại bản tự khai chị N trình bày trong thời kỳ hôn nhân anh, chị có 01 con chung tên Nguyễn Gia H, sinh ngày 29/4/2015. Sau khi ly hôn, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Gia H, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, theo trình bày của chị N hiện tại cháu Gia H đang sống cùng mẹ. Tại bản tự khai ngày 22/11/2024 Gia H cũng trình bày, mong muốn sau khi cha mẹ ly hôn cháu muốn tiếp tục được sống với mẹ. Để tránh xáo trộn cuộc sống của cháu và xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của Kiểm sát viên, chấp nhận yêu cầu của chị N, giao cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 29/4/2015 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh Nguyễn Hữu V cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Xét đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 92, 147, 189, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 8, 9, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị Bé N.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bé N được ly hôn với anh Nguyễn Hữu V

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Gia H, sinh ngày 29/4/2015 cho chị N trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, chị N không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bé N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, chị N đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 5323 ngày 27/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, nên xem như đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Bé N và anh Nguyễn Hữu V có quyền kháng cáo bản án trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TP Mỹ Tho;
- Các đương sự;
- UBND xã Thới Sơn;
- Chi Cục THADS TP Mỹ Tho;
- Lưu.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lê Thị Liên